TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhó m : 02 Tổ : 001

Mã nhậ n dạ ng01068

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Mô n Họ c : Khai thá c thuỷ sả n đạ i cương-206402 Ngà y Thi : 28/06/14 Giờ thi: 07g00 - phú t Phò ng thi T1 Nhó m : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tê n		LỚP	ký tê n	Số tờ	Đ 1 (30 %)	Đ 2 (%)	Điể m thi	Điể m T. kế t	Tô trò n điể m phầ n nguyê n	Tô trò n điể m phầ n lẻ
1	12117032	PHẠM QUẾ	ANH	DH12CT			9,3		8,4	8,7	8	7
2	12116178	LƯU THỊ	CẨM	DH12NT			9,6		9,6	9,6	9	6
3	11141129	TRẦN PHÚ	CƯỜNG	DH11NY			9,9		9,7	9,8	9	8
4	12116039	NGUYỄN THANH	DUY	DH12NT			9,6		7,4	8,1	8	1
5	12116026	NGUYỄN VĂN	DƯƠNG	DH12NT			9,7		9,6	9,6	9	6
6	12116317	VÕ NGỌC	ĐỈNH	DH12NT			9,5		7,1	7,8	7	8
7	12116248	NGUYỄN VĂN	HẢI	DH12NT			8,7		9,0	8,9	8	9
8	12117052	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẠNH	DH12CT			9,6		9,1	9,3	9	3
9	11116033	NGUYỄN VĂN	HẠNH	DH11NT			9,6		9,9	9,8	9	8
10	12116003	NGUYỄN VĂN	HẠNH	DH12NT			9,9		9,6	9,7	9	7
11	12116299	NGUYỄN THỊ NGỌC	HẰNG	DH12NY			9,3		4,8	6,2	6	2
12	12116022	LÂM VĂN	HÓ	DH12NT			9,6		9,8	9,7	9	7
13	11141111	NGUYỄN VĂN	HÒA	DH11NY			9,7		8,5	8,9	8	9
14	12116346	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	DH12NT			9,8		8,8	9,1	9	1
15	11141098	TRẦN THỊ MAI	HUYỀN	DH11NY			9,7		9,6	9,6	9	6
16	11141114	PHAN THỊ NHƯ	HUỲNH	DH11NY			9,6		9,0	9,2	9	2
17	12117005	LÊ THỊ DIỄM	HƯƠNG	DH12CT			9,6		9,1	9,3	9	3

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhó m : 02 Tổ : 001

Mã nhậ n dạ ng01068

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Mô n Họ c : Khai thá c thuỷ sả n đạ i cương-206402 Ngà y Thi : 28/06/14 Giờ thi: 07g00 - phú t Phò ng thi T1 Nhó m : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tê n		LỚP	ký tê n	Số tờ	Đ 1 (30%)	Đ 2 (%)	Điể m thi	Điể m T. kế t	Tô trò n điể m phầ n nguyê n	Tô trò n điể m phầ n lẻ
18	11116043	NGUYỄN TRƯỜNG	KHA	DH11NT			9,6		9,2	9,3	9	3
19	10117083	NGUYỄN THANH	KHANH	DH10CT			9,7		6,6	7,5	7	5
20	11116044	VÕ DUY	KHÁNH	DH11NT			9,6		9,9	9,8	9	8
21	11141075	TRẦN ĐĂNG	KHOA	DH11NY			9,6		9,3	9,4	9	4
22	12116256	LÂM THỊ THÚY	KIỀU	DH12NT			9,6		9,5	9,5	9	5
23	12116241	TRƯƠNG THỊ	KIỀU	DH12NT			9,9		6,7	7,7	7	7
24	12117006	LÊ THỊ HỒNG	LÊ	DH12CT			9,3		8,4	8,7	8	7
25	12117008	NGUYỄN VĂN	LIẾT	DH12CT			9,0		9,2	9,1	9	1
26	11116053	HUỲNH THỊ HOA	MAI	DH11NT			9,6		9,9	9,8	9	8
27	11116108	NGUYỄN VĂN	MẾN	DH11NT			9,9		9,6	9,7	9	7
28	12116350	LÊ THỊ TRÀ	MY	DH12KS			9,3		6,6	7,4	7	4
29	10141030	NGUYỄN MAI	NGHI	DH10NY			9,6		9,1	9,3	9	3
30	12116336	LÊ THANH	NHÀN	DH12NY			9,6		9,2	9,3	9	3
31	12116009	NGUYỄN DUY	NHÂN	DH12KS			9,5		8,8	9,0	9	0
32	10116090	NGUYỄN HOÀNG	NHẬT	DH10NT			9,3		8,7	8,9	8	9
33	12117014	PHẠM THỊ THÚY	NHI	DH12CT			9,6		9,0	9,2	9	2
34	11141047	TRẦN THỊ KIM	NHUNG	DH11NY			9,9		7,1	7,9	7	9

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhó m : 02 Tổ : 001

Mã nhậ n dạ ng01068

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Mô n Họ c : Khai thá c thuỷ sả n đạ i cương-206402 Ngà y Thi : 28/06/14 Giờ thi: 07g00 - phú t Phò ng thi T1 Nhó m : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tê n		LỚP	ký tê n	Số tờ	Đ 1 (30 %)	Đ 2 (%)	Điể m thi	Điể m T. kế t	Tô trò n điể m phầ n nguyê n	Tô trò n điể m phầ n lẻ
35	12116095	LỤC VĂN	NHỰT	DH12KS			9,7		9,6	9,6	10	6
36	11141041	DƯƠNG THỊ	NI	DH11NY			9,2		8,7	8,9	9	9
37	12116186	TRƯƠNG TRẦN	NYN	DH12KS			9,3		8,1	8,5	9	5
38	12116354	VĂN THỊ	PHẤN	DH12NT			9,3		8,5	8,7	9	7
39	11116114	BÙI VĂN	PHỐ	DH11NT			9,5		9,8	9,7	10	7
40	11117173	DANH QUỐC	PHÚC	DH11CT			9,9		9,4	9,6	10	6
41	12116024	HOÀNG THỊ	PHƯƠNG	DH12KS			9,6		9,3	9,4	10	4
42	10117158	NGUYỄN THANH	PHƯƠNG	DH10CT			9,8		8,1	8,6	9	6
43	12116102	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	DH12NT			9,6		7,7	8,3	9	3
44	11116068	TRẦN ĐÌNH	QUANG	DH11NT			10		9,8	9,9	10	9
45	12117176	NGUYỄN THỊ HOÀI	SINH	DH12CT			9,6		7,2	7,9	8	9
46	12116112	NGUYỄN ĐÀO THU	SƯƠNG	DH12KS			9,3		7,3	7,9	8	9
47	10117185	VÕ VĂN	THÁI	DH10CT			9,8		9,4	9,5	10	5
48	12117015	LÊ NGỌC	THANH	DH12CT			9,3		9,0	9,1	10	1
49	12116122	NGUYỄN XUÂN	THẢO	DH12NT			10		9,0	9,3	10	3
50	12116360	NGUYỄN THỊ	THẮM	DH12NT			9,6		8,9	9,1	10	1
51	12117114	TRẦN THỊ HỒNG	THẮM	DH12CT			9,5		6,4	7,3	9	3

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhó m : 02 | Tổ : 001 |

Mã nhậ n dạ ng01068

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Mô n Họ c : Khai thá c thuỷ sả n đạ i cương-206402 | Ngà y Thi : 28/06/14 | Giờ thi: 07g00 - phú t | Phò ng thi T1 | Nhó m : 02 | Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tê n		LỚP	ký tê n	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (%)	Điể m thi	Điể m T. kế t	Tô trò n điể m phầ n nguyê n	Tô trò n điể m phầ n lẻ
52	10117190	NGUYỄN CÔNG	THẮNG	DH10CT			9,7		8,0	8,5	8	5
53	11141070	NGUYỄN THỊ NGỌC	THOA	DH11NY			9,3		4,8	6,2	6	2
54	12117182	NGUYỄN VĂN	THON	DH12CT			9,3		5,5	6,6	6	6
55	12116329	LÊ THỊ DIỆU	THU	DH12NT			9,3		8,8	9,0	9	0
56	10116131	LÊ THỊ	THÙY	DH10NT			9,6		9,1	9,3	9	3
57	12116201	HUỲNH THỊ	TIÊN	DH12NT			9,6		9,5	9,5	9	5
58	11116119	BÙI MINH	TOÀN	DH11NT			9,6		8,8	9,0	9	0
59	10117237	PHAN PHƯƠNG	TRƯỜNG	DH10CT			9,2		9,8	9,6	9	6
60	10116156	NGUYỄN THÀNH	TÚ	DH10NT			8,8		8,1	8,3	8	3
61	12116146	NGUYỄN VĂN	TUẤN	DH12KS			9,3		9,2	9,2	9	2
62	10116154	LÊ THANH	TÙNG	DH10NT			9,6		7,8	8,3	8	3
63	12116147	SỪ THÀNH	TUY	DH12NT			9,6		7,9	8,4	8	4
64	11171096	VŨ THỊ	TUYẾT	DH11KS			9,3		7,8	8,3	8	3
65	12117146	NGUYỄN THỊ ÁI	VY	DH12CT			9,6		8,4	8,8	8	8

Số lượ ng vắ ng: 0 | Hiệ n diệ n: : 65

Cá n bộ coi thi 1 | Cá n bộ coi thi 2 | Xá c nhậ n củ a khoa/bộ mô n | Cá n bộ chấ m thi 1 | Cá n bộ chấ m thi 2

TS. Nguyễn Hoàng Nam Kha

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhó m : 01 Tổ : 001

Mã nhậ n dạ ng01067

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Mô n Họ c : Khai thá c thuỷ sả n đạ i cương-206402 Ngà y Thi : 28/06/14 Giờ thi: 07g00 - phú t Phò ng thi TV101 Nhó m : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tê n	LỚP	ký tê n	Số tờ	Đ 1 (30%)	Đ 2 (%)	Điể m thi	Điể m T. kế t	Tô trò n điể m phầ n nguyê n	Tô trò n điể m phầ n lẻ
1	10116165	NGUYỄN THỊ THÚY AN	DH10NT			9,0		9,2	9,1	9	1
2	11117001	NGUYỄN TUẤN ANH	DH11CT			9,9		9,5	9,6	9	6
3	07141023	VƯƠNG QUỐC BẢO	DH08NY			9,3		7,1	7,8	7	8
4	12116225	TRỊNH THỊ MỸ CHI	DH12NT			9,6		9,1	9,3	9	3
5	11117144	DƯƠNG THỊ CƯỜNG	DH11CT			9,0		9,0	9,0	9	0
6	12116035	NGUYỄN THANH CƯỜNG	DH12NT			9,6		9,1	9,3	9	3
7	11171018	VÕ THỊ XUÂN DUYÊN	DH11KS			9,6		8,0	8,5	8	5
8	11141055	NGUYỄN THỊ ĐAN	DH11NY			9,6		7,8	8,3	8	3
9	11141079	ĐÀO HOÀNG HỒNG ĐIỆP	DH11NY			8,5		6,8	7,3	7	3
10	11141109	LƯU XUÂN ĐÌNH	DH11NY			9,6		9,7	9,7	9	7
11	11116100	PHẠM TRƯỜNG GIANG	DH11NT			9,6		9,7	9,7	9	7
12	12116243	NGUYỄN THỊ HUỲNH GIAO	DH12NT			9,6		8,6	8,9	8	9
13	11117146	HỒ THỊ THU HÀ	DH11CT			8,7		7,5	7,9	7	9
14	12116208	NGUYỄN THỊ HÀ	DH12NY			9,6		9,7	9,7	9	7
15	12117048	LÊ MINH HẠNH	DH12CT			10		10	10	10	0
16	11117126	NGUYỄN THANH HÁO	DH11CT			10		10	10	10	0
17	11117147	TRẦN THỊ THU HẰNG	DH11CT			9,0		7,4	7,9	7	9

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhó m : 01 Tổ : 001

Mã nhậ n dạ ng01067

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Mô n Họ c : Khai thá c thuỷ sả n đạ i cương-206402 Ngà y Thi : 28/06/14 Giờ thi: 07g00 - phú t Phò ng thi TV101 Nhó m : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tê n		LỚP	ký tê n	Số tờ	Đ 1 (30%)	Đ 2 (%)	Điể m thi	Điể m T. kế t	Tô trò n điể m phầ n nguyê n	Tô trò n điể m phầ n lẻ
18	10117053	TRẦN THỊ THU	HIỀN	DH10CT			9,6		8,5	8,8	8	8
19	11141009	HÀ THỊ	HUYỀN	DH11NY			9,6		9,1	9,3	9	3
20	12117060	PHẠM NGỌC	HUYỀN	DH12CT			9,6		9,8	9,7	9	7
21	12117062	NGUYỄN THỊ NGỌC	HƯƠNG	DH12CT			8,7		7,3	7,7	7	7
22	11117128	NGUYỄN VŨ	KHA	DH11CT			9,8		9,8	9,8	9	8
23	11117003	HUỲNH VĂN	KHANG	DH11CT			9,6		7,2	7,9	7	9
24	12116267	NHAN THANH	KIỆT	DH12NY			9,6		7,9	8,4	8	4
25	11141013	ĐẶNG THỊ THÚY	KIỀU	DH11NY			9,6		8,7	9,0	9	0
26	12117166	ĐÀO THỊ	LÀI	DH12CT			9,9		9,9	9,9	9	9
27	11171105	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	DH11KS			9,6		9,6	9,6	9	6
28	12116183	VÕ THỊ THU	LỘC	DH12NY			9,7		9,8	9,8	9	8
29	12117011	LÊ TRÚC	LY	DH12CT			10		9,7	9,8	9	8
30	11141038	DƯƠNG BÌNH	MINH	DH11NY			9,6		8,7	9,0	9	0
31	12116081	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGÂN	DH12KS			9,6		8,3	8,7	8	7
32	12117013	NGUYỄN THỊ HUỲNH	NGÂN	DH12CT			9,6		8,0	8,5	8	5
33	11141118	LÊ TRỌNG	NGHĨA	DH11NY			9,3		8,8	9,0	9	0
34	11141087	HUỲNH THỊ KIM	NGỌC	DH11NY			9,6		9,0	9,2	9	2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhó m : 01 Tổ : 001

Mã nhậ n dạ ng01067

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Mô n Họ c : Khai thá c thuỷ sả n đạ i cương-206402 Ngà y Thi : 28/06/14 Giờ thi: 07g00 - phú t Phò ng thi TV101 Nhó m : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tê n		LỚP	ký tê n	Số tờ	Đ 1 (30 %)	Đ 2 (%)	Điể m thi	Điể m T. kế t	Tô trò n điể m phầ n nguyê n	Tô trò n điể m phầ n lẻ
35	11141133	TRỊNH THỊ THẢO	NGUYÊN	DH11NY			9,6		8,1	8,6	8	6
36	11117068	NGUYỄN HỮU	NHÂN	DH11CT			9,9		8,1	8,6	8	6
37	12116385	VÕ TÚ	NHÂN	DH12NY			9,6		8,9	9,1	9	1
38	11116111	NGÔ THỊ HUỲNH	NHƠN	DH11NT			9,6		9,9	9,8	9	8
39	10116092	HOÀNG THỊ HỒNG	NHUNG	DH10NT			9,3		9,3	9,3	9	3
40	11171106	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	DH11KS			9,6		9,8	9,7	9	7
41	11171060	TRẦN THỊ	NHUNG	DH11KS			9,6		8,8	9,0	9	0
42	12116023	ĐOÀN VĂN	QUÀ	DH12NY			9,6		9,4	9,5	9	5
43	12116105	VÕ MINH	QUÂN	DH12NY			9,4		9,8	9,7	9	7
44	11171109	CHÂU	SĨ	DH11KS			9,6		8,6	8,9	8	9
45	11141130	HUỲNH THÁI	SƠN	DH11NY			9,3		9,1	9,2	9	2
46	11141095	HÀ THỊ HỒNG	SƯƠNG	DH11NY			9,7		9,1	9,3	9	3
47	10141016	VÕ THỊ KIM	THANH	DH10NY			9,6		8,9	9,1	9	1
48	11116077	LÊ BÁ	THÀNH	DH11NT			9,6		9,5	9,5	9	5
49	12116195	NGUYỄN THỊ	THẢO	DH12KS			9,6		9,2	9,3	9	3
50	12117110	NGUYỄN THỊ	THẢO	DH12CT			9,6		9,3	9,4	9	4
51	12117185	TRẦN THỊ MINH	THƯ	DH12CT			9,6		9,0	9,2	9	2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhó m : 01 Tổ : 001

Mã nhậ n dạ ng01067

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Mô n Họ c: Khai thá c thuỷ sả n đạ i cương-206402 Ngà y Thi: 28/06/14 Giờ thi: 07g00 - phú t Phò ng thi TV101 Nhó m : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tê n		LỚP	ký tê n	Số tờ	Đ 1 (30 %)	Đ 2 (%)	Điể m thi	Điể m T. kế t	Tô trò n điể m phầ n nguyê n	Tô trò n điể m phầ n lẻ
52	11141131	TỪ VÕ KIM	THƯ	DH11NY			9,6		8,5	8,8	8	8
53	10116135	NGUYỄN	TIẾN	DH10NT			9,3		7,4	8,0	8	0
54	12117017	HỒ THỊ	TÌNH	DH12CT			9,6		9,5	9,5	9	5
55	12117187	TRẦN HUY	TOÀN	DH12CT			9,6		8,7	9,0	9	0
56	11171088	ĐOÀN KHANG	TRANG	DH11KS			9,6		8,0	8,5	8	5
57	11171005	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	DH11KS			9,6		9,7	9,7	9	7
58	12117133	NGUYỄN THỊ LỆ	TRINH	DH12CT			9,6		7,2	7,9	7	9
59	11141001	NGUYỄN THANH	TRÚC	DH11NY			9,4		8,9	9,1	9	1
60	12117025	BIỆN THỊ MỸ	TƯƠI	DH12CT			9,6		7,5	8,1	8	1
61	11116052	NGUYỄN THỊ TRÚC	TY	DH11NT			9,6		9,9	9,8	9	8
62	12116326	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	UYÊN	DH12KS			9,3		7,9	8,3	8	3
63	12117141	NGUYỄN THỊ THU	UYÊN	DH12CT			9,6		9,3	9,4	9	4
64	12117021	NGUYỄN THỊ	XOAN	DH12CT			10		10	10	10	0
65	12116158	NGUYỄN THỊ	YẾN	DH12KS			9,6		9,3	9,4	9	4

Số lượ ng vắ ng: 0 Hiệ n diệ n: : 65

Cá n bộ coi thi 1

Vũ Cẩm Loong

Cá n bộ coi thi 2

Phạm Đặng Nhật Nguyên

Xá c nhậ n củ a khoa/bộ mô n

TS. Nguyễn Hoàng Nam Kha

Cá n bộ chấ m thi 1

Vũ Cẩm Loong

Cá n bộ chấ m thi 2